

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày 29/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2025/TLST - HS ngày 31 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2025/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ HỒNG T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 18 tháng 6 năm 1948 tại BD; thường trú: Tổ 02, phường HP, thành phố P, tỉnh Gia Lai và chỗ ở: Số 07 đường NTP, phường HP (tổ 02, phường HP, thành phố P cũ), tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá (học vấn): 06/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân số 052148003159 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021; con ông Nguyễn T1 (đã chết) và bà Lê Thị N (đã chết); bị cáo có chồng tên Nguyễn T2 (đã chết) và 10 con, lớn nhất sinh năm 1967 và nhỏ nhất sinh năm 1984; nhân thân tốt; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 11 đường NTP, phường HP (tổ 02, phường HP, thành phố P cũ), tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hồng T và bà Huỳnh Thị T3 là hàng xóm, đều sống một mình và cùng là người cao tuổi. Do có mối quan hệ thân thiết nên T biết bà T3 thường không khóa cửa sau nhà. Vào khoảng 18 giờ ngày 27 tháng 3 năm 2025, T đi bộ đến phía sau nhà bà T3 ở số 11 đường NTP, phường HP (tổ 02, phường HP, thành phố P cũ), tỉnh Gia Lai thì thấy cửa mở, nên T ghé vào chơi, T đi từ phòng bếp lên phòng ngủ tìm bà T3 nhưng không thấy. Lúc này, T nhớ lại việc bà T3 có kể về việc tích góp được một số nhẫn, trang sức vàng và chỉ chỗ giấu trong túi quần treo trong tủ quần áo đặt trong phòng ngủ nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thấy tủ quần áo không khóa và nhìn ra phía trước nhà không thấy ai, T đi đến mở cánh tủ ra, lục túi quần treo trong tủ, lấy túi vải nhung màu đỏ mở ra xem thì thấy có 08 (tám) chiếc nhẫn vàng tròn, gồm 05 (năm) chiếc nhẫn vàng loại 02 chỉ và 03 (ba) chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, dạng mắc xích và 01 (một) mặt dây chuyền có đính hạt chất màu đỏ; 01 (một) lắc tay vàng, mặt lắc tay có đính hạt chất màu đỏ; 01 (một) nhẫn vàng, mặt nhẫn có đính hạt chất màu đỏ và 01 (một) đôi bông tai vàng, có đính hạt chất màu đỏ. T cầm túi vải đựng số vàng trên rồi đi về nhà, cất giấu số vàng vừa trộm cắp được trong nhà mình tại số 07 đường NTP, phường HP (tổ 02, phường HP, thành phố P cũ), tỉnh Gia Lai, còn túi vải nhung màu đỏ thì T vứt vào thùng rác. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bà T3 đi tập thể dục về vào phòng ngủ thì thấy cửa tủ quần áo mở hé nên kiểm tra phát hiện mất túi vải chứa toàn bộ số vàng nêu trên nên sáng ngày 28 tháng 3 năm 2025, bà T3 đã đến Công an phường HP, tỉnh Gia Lai trình báo sự việc. Ngày 29 tháng 3 năm 2025, Nguyễn Thị Hồng T đến Công an phường HP, tỉnh Gia Lai đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp toàn bộ tài sản đã trộm cắp.

Qua giám định và định giá tài sản, xác định:

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng hình tròn, loại vàng 24k (hàm lượng vàng 99,3%), khối lượng 02 chỉ (7,48 gam), bên mặt trong có ký hiệu “Kim Hồng Loan 2c 9T9”, có giá trị là 19.800.000 đồng

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng hình tròn, loại vàng 24k (hàm lượng vàng 99%), khối lượng 02 chỉ (7,49 gam), bên mặt trong có ký hiệu “Đồng Dung Bá P 990 2 chỉ”, có giá trị là 19.800.000 đồng

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng hình tròn, loại vàng 24k (hàm lượng vàng 99,3%), khối lượng 02 chỉ (7,49 gam), bên mặt trong có ký hiệu “9T9 2c”, có giá trị là 19.800.000 đồng

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng hình tròn, loại vàng 24k (hàm lượng vàng 99%), khối lượng 02 chỉ (7,5 gam), bên mặt trong có ký hiệu “Phương Yên Gia Lai Vàng Lá 2 chỉ 990”, có giá trị là 19.800.000 đồng

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng hình tròn, loại vàng 24k (hàm lượng vàng 99%), khối lượng 02 chỉ (7,49 gam), bên mặt trong có ký hiệu “Vĩnh Thạnh P Thẻ H 990 2 chỉ”, có giá trị là 19.800.000 đồng

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng hình tròn, loại vàng 24k (hàm lượng vàng 99%), khối lượng 01 chỉ (3,74 gam), bên mặt trong có ký hiệu “Kim Hồng Loan 1 chỉ 9T9”, có giá trị là 9.900.000 đồng

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng hình tròn, loại vàng 24k (hàm lượng vàng 99%), khối lượng 01 chỉ (3,74 gam), bên mặt trong có ký hiệu “Hoàng Kim 1 chỉ 990 Hoàng P”, có giá trị là 9.900.000 đồng

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng hình tròn, loại vàng 24k (hàm lượng vàng 99%), khối lượng 01 chỉ (3,74 gam), bên mặt trong có ký hiệu “Phương Yên GiaLai Vàng Lá 1 chỉ 990”, có giá trị là 9.900.000 đồng

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng, dạng mắc xích (hàm lượng vàng 61%), khối lượng 12,36 gam; 01 (một) mặt dây chuyền vàng, trên có đính hạt chất màu đỏ và các hạt chất màu trắng (hàm lượng vàng 57,6%), khối lượng 8,87 gam, có giá trị 28.374.000 đồng

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng, mặt nhẫn có đính hạt chất màu đỏ và các hạt chất màu trắng (hàm lượng vàng 57,6%), khối lượng 7,6 gam, có giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.710.000 đồng.

- 01 (một) đôi bông tai vàng, trên mỗi chiếc đều có đính hạt chất màu đỏ và hạt chất màu trắng (hàm lượng vàng 58,1%), khối lượng 3,98 gam, có giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.200.000 đồng.

- 01 (một) sợi lắc đeo tay vàng, trên có đính hạt chất màu đỏ và các hạt chất màu trắng (hàm lượng vàng 57,6%), khối lượng 22,4 gam, có giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 30.740.000 đồng.

- 01 (một) túi vải nhung màu đỏ, kích thước khoảng (10x15)cm, một đầu được cột dây rút, có giá trị là 10.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 199.734.000 (một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn) đồng.

Về dân sự: Các tài sản bị chiếm đoạt nêu trên đã được trả lại cho bị hại Huỳnh Thị T3. Sau khi nhận lại tài sản, bà T3 không yêu cầu gì về bồi thường dân sự

Tại bản cáo trạng số 17/CT - VKS ngày 31 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn Thị Hồng T thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai nêu trong bản cáo trạng. Bị cáo và bị hại không có ý kiến gì về Kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Nguyễn Thị Hồng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề xuất

áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội với người đủ 70 tuổi trở lên*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*khắc phục hậu quả*”, “*Thành khẩn khai báo*” “*người phạm tội từ đủ 70 tuổi trở lên*”, “*Đầu thú*”, “*bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*” quy định tại điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo được miễn nộp án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Do bị hại Huỳnh Thị T3 thiếu ý thức trong việc quản lý tài sản để bị cáo Nguyễn Thị Hồng T lợi dụng lén lút đột nhập vào nhà, chiếm đoạt 01 (một) túi vải nhung màu đỏ chứa 08 (tám) chiếc nhẫn vàng tròn, gồm 05 (năm) chiếc nhẫn vàng loại 02 chỉ và 03 (ba) chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, dạng mắc xích và 01 (một) mặt dây chuyền có đính hạt chất màu đỏ; 01 (một) lắc tay vàng, mặt lắc tay có đính hạt chất màu đỏ; 01 (một) nhẫn vàng, mặt nhẫn có đính hạt chất màu đỏ và 01 (một) đôi bông tai vàng, có đính hạt chất màu đỏ, có tổng giá trị là 199.734.000 (một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn) đồng

Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 được quy định như sau “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt gần 200.000.000 đồng, đây là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*2. Phạm tội Tộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm....c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng...*”

Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp được Hiến pháp và pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người cao tuổi nhưng nhận thức pháp luật hạn chế, khả năng tu dưỡng bản thân thấp thúc đẩy bị cáo hồ đồ thực hiện hành vi trộm cắp. Bị hại là người từ đủ 70 tuổi trở lên nên hành vi của Nguyễn Thị Hồng T đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên, bản thân bị cáo Nguyễn Thị Hồng T cũng là người từ đủ 70 tuổi trở lên, sau khi bà Huỳnh Thị T3 trình báo sự việc, bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo về hành vi đã thực hiện và giao nộp tài sản trộm cắp để trả lại cho bị hại, khắc phục hậu quả đã gây ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử cân nhắc bị cáo đã cao tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho hưởng chế độ án treo cũng đủ sức cảnh tỉnh, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Thị T3 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: Tài sản bị chiếm đoạt đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai trả lại cho bị hại Thanh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xử lý đối với vật chứng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng T.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên bị cáo Tộc trường hợp người cao tuổi nên miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng T cho Ủy ban nhân dân phường HP, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Hồng T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng T.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và bị hại có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ
VÕ THỊ THANH THÚY**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

